TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22-01-2024.
V/v: Ly hôn giữa chị S và anh L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 22/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị LTS, sinh năm 1984.

Trú tại: Bản MP, xã CH, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh LVL, sinh năm 1981.

Trú tại: Bản MP, xã CH, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Hiện cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTS trình bày:

Chị và anh LVL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 20/3/2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh LVL không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù

đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Hiện cai nghiện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Từ đó hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTS xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh LVL.

Về con chung: Có hai con là LVT, sinh ngày 30/7/2002 và LV T, sinh ngày 15/01/2010. Con đầu đã lớn, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay chị đang nuôi con, nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh LVL cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LVL trình bày:

Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTS và anh LVL. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTS. Nay chị LTS yêu cầu ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Có hai con là LVT, sinh ngày 30/7/2002 và LV T, sinh ngày 15/01/2010. Anh nhất trí để hai con cho chị LTS nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ xử cho chị LTS được ly hôn anh LVL.

Giao cháu LV T, sinh ngày 15/01/2010 cho chị LTS trực tiếp nuôi dưỡng. Anh LVL không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LVL sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bầy nguyện vọng, anh LVL đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La và đã triệu tập xét xử hợp lệ có đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn chị LTS có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTS và anh LVL có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh LVL không chăm lo xây dựng gia đình và đi vào con đường nghiện ma túy. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTS và anh LVL đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTS yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTS được ly hôn anh LVL.

[3] Về con chung: Có hai con là LVT, sinh ngày 30/7/2002 và LV T, sinh ngày 15/01/2010. Hai đương sự nhất trí để cho chị LTS trực tiếp nuôi con, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con, cần chấp nhận giao con LV T cho chị LTS trực tiếp nuôi dưỡng. Chị LTS không yêu cầu anh LVL không phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTS đã được giải thích thủ tục miễn án phí, chị không cần miễn án phí. Nên chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTS được ly hôn anh LVL.

2. Về con chung: Giao cháu LV T, sinh ngày 15/01/2010 cho chị LTS trực tiếp nuôi dưỡng. Anh LVL không phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001242 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị LTS, anh LVL được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN MINH TUẤN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND CH, huyện Mường La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.